

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/KDTM-ST

Ngày: 03/8/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung D

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Bà Võ Thị Diệp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đắc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2024/TLST-KDTM ngày 25/3/2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2024/QĐXX-KDTM ngày 20/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2024/QĐXXST-KDTM ngày 17/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH X;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh H – Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: số A đường L, tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV D;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 928, ấp T, Thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

(Ông H có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) lời trình bày: Ngày 06/11/2023, Công ty X có ký Hợp đồng mua bán hàng

hóa số 01/HĐKT/HH/2023 với Công ty TNHH MTV D (gọi tắt là Công ty D) về việc cung cấp cát san lấp công trình. Theo đó, Công ty X có nghĩa vụ cung cấp và vận chuyển cát san lấp để Công ty D thực hiện dự án xây dựng Trường tiểu học T tại địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và Công ty D có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 675.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng) cho Công ty X, cụ thể như sau:

- Cung cấp cát san lấp: $4.500\text{m}^3 \times 70.000\text{đ}/\text{m}^3 = 315.000.000$ đồng.
- Chi phí vận chuyển: $4.500\text{m}^3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^3 = 360.000.000$ đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì Công ty X đã thực hiện công việc theo đúng như nội dung Hợp đồng số 01/HĐKT/HH ngày 06/11/2023. Tuy nhiên, Hợp đồng số 01/HĐKT/HH nêu trên Công ty X không có lưu giữ do khi ký kết Hợp đồng Công ty X đã ký tên đóng dấu và gửi cho Công ty D nhưng đến nay Công ty D không gửi lại cho Công ty X. Do đó, Hợp đồng 01/HĐKT/HH hiện nay do Công ty D lưu giữ. Mặt khác, trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì Công ty D đã thanh toán cho Công ty X số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể, đợt 1 thanh toán 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), đợt 2 thanh toán 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Số tiền còn lại mà Công ty D phải thanh toán cho Công ty X khi hoàn thành công việc là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Đến ngày 15/12/2023, Công ty X đã hoàn thành nghĩa vụ về việc cung cấp và vận chuyển cát san lấp thể hiện qua Biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 15/12/2023 nhưng Công ty D vẫn chưa hoàn tất việc thanh toán cho Công ty X.

Đến ngày 16/12/2023, hai bên có lập Biên bản xác nhận công nợ. Theo đó, Công ty D xác nhận còn nợ Công ty X số tiền 225.000.000 đồng và cam kết hoàn tất việc thanh toán trước ngày 31/12/2023.

Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán thì Công ty X có liên hệ và đề nghị thanh toán theo đúng như nội dung biên bản xác nhận công nợ ngày 16/12/2023 nhưng Công ty D cố tình tránh né không thực hiện.

Nay, Công ty X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết: Buộc Công ty D trả cho Công ty TNHH X số tiền gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc 225.000.000 đồng theo mức lãi suất tạm tính là 1%/tháng (lãi suất tạm tính dựa trên lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng V, S, A) từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 03/02/2024 là 01 tháng 03 ngày bằng 2.475.000 đồng. Tổng cộng là 227.475.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Đồng thời, yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền gốc 225.000.000 đồng với mức lãi suất tạm tính là 1%/tháng kể từ ngày 04/02/2024 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, ông Phạm Minh H trình bày: Ông thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV D trả cho Công ty TNHH X số tiền gốc là 225.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, không yêu cầu và trình bày gì thêm.

- Đối với bị đơn **Công ty D** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn **Công ty X** đã giao nộp cho Tòa án Biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2023 (Bản chính) thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

* Ngoài ra, phía nguyên đơn **Công ty X** cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm: Căn cước công dân tên **Phạm Minh H** (bản photo); Hợp đồng mua bán số 01/HĐKT/HH2023 ngày 06/11/2023 (Bản chính); Biên bản nghiệm thu ngày 06/11/2023 (Bản chính); Giấy ủy quyền số 1108/GUQ-GT ngày 08/11/2023 (Bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao).

* Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Công văn số 1148/SKHĐT-ĐKKD ngày 13/6/2024 của **Sở kế hoạch đầu tư tỉnh H**.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn **Công ty D** đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án: Qua chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy, phía bị đơn **Công ty D** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía nguyên đơn **Công ty X** yêu cầu bị đơn trả số tiền là 225.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền là 225.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại Điều 8 Luật thương mại năm 2005.

- Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, hợp đồng mua bán được thực hiện san lấp tại Trường Tiểu học T thuộc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn Công ty D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty X yêu cầu bị đơn là Công ty D thanh toán số tiền là 225.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa Công ty X và Công ty D có thỏa thuận mua bán với nhau về việc mua bán cung cấp cát san lấp công trình. Theo đó, Công ty X có nghĩa vụ cung cấp và vận chuyển cát san lấp để Công ty D thực hiện dự án xây dựng Trường tiểu học T tại địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và Công ty D có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 675.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng) cho Công ty X. Sau đó, Công ty D đã thanh toán cho Công ty X với tổng số tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), như vậy Công ty D còn nợ Công ty X số tiền là 225.000.000 đồng. Sau đó, hai bên đã chốt lại số nợ theo biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2023 (Bản chính) do ông Phạm Minh H nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của ông Phạm Minh H.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho Công ty D. Tuy nhiên, Công ty D vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, như vậy phía bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Cũng như, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên đương sự là có thật và phía bị đơn Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bên nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

Về lãi suất, do nguyên đơn Công ty TNHH X - đại diện theo pháp luật là ông Phạm Minh H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của Công ty X được chấp nhận nên Công ty TNHH MTV D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể số tiền 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 227, 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 30, 40, và Điều 50 Luật thương mại năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH X. Buộc Công ty TNHH MTV D – đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu N có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH X - đại diện theo pháp luật là ông Phạm Minh H số tiền là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) Công ty TNHH MTV D – đại diện theo pháp luật là Nguyễn Hữu N phải chịu.

+ Công ty X không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH X - đại diện theo pháp luật là ông Phạm Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.687.000 đồng (Năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008367 ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trung D